THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ II - KHỐI 12 (ÔN TẬP GĐII)
NĂM HỌC 2025 - 2026
(CÓ GIÁ TRỊ TỪ NGÀY 18/5/2026)

Thứ	Tiết	12A1	12A2	12A3	12A4	12D1	12D2	12D3	12D4	12D5
Thứ 2	1	Văn Cẩm Nhi	Toán Xuân	Toán Tráng	Văn Cẩm Tú	Văn Kim Anh	Toán Đăng	Anh Thanh Thúy	Anh Thu Giang	Toán Bình
	2	Văn Cẩm Nhi	Toán Xuân	Toán Tráng	Văn Cẩm Tú	Văn Kim Anh	Toán Đăng	Anh Thanh Thúy	Anh Thu Giang	Toán Bình
	3	Toán Xuân	Anh K.Thắng	Văn Kim Anh	Toán Khiêm	Toán Tráng	Văn Cẩm Nhi	Toán Bình	Toán Đăng	Văn Cẩm Tú
	4	Anh Ng.Phương	Anh K.Thắng	Văn Kim Anh	Toán Khiêm	Toán Tráng	Văn Cẩm Nhi	Toán Bình	Toán Đăng	Văn Cẩm Tú
	5	Anh Ng.Phương	Văn Cẩm Nhi						Văn Kim Anh	
Thứ 3	1	Toán Xuân	Văn Cẩm Nhi	Toán Tráng	Văn Cẩm Tú	Văn Kim Anh	Anh Huệ	Anh Thanh Thúy	Toán Đăng	Anh H.Thảo
	2	Toán Xuân	Văn Cẩm Nhi	Toán Tráng	Văn Cẩm Tú	Văn Kim Anh	Anh Huệ	Anh Thanh Thúy	Toán Đăng	Anh H.Thảo
	3	Văn Cẩm Nhi	Toán Xuân	Lý Nghiêm	Toán Khiêm	Toán Tráng	Toán Đăng	Toán Bình	Văn Kim Anh	Văn Cẩm Tú
	4	Văn Cẩm Nhi	Toán Xuân	Lý Nghiêm	Anh Hương	Toán Tráng	Toán Đăng	Toán Bình	Văn Kim Anh	Văn Cẩm Tú
	5			Văn Kim Anh	Anh Hương		Văn Cẩm Nhi	Văn Cẩm Tú		Toán Bình
Thứ 4	1	Văn Cẩm Nhi	Toán Xuân	Văn Kim Anh	Toán Khiêm	Lý Nghiêm	Toán Đăng	Văn Cẩm Tú	Anh Thu Giang	Toán Bình
	2	Toán Xuân	Văn Cẩm Nhi	Văn Kim Anh	Toán Khiêm	Lý Nghiêm	Anh Huệ	Văn Cẩm Tú	Anh Thu Giang	Toán Bình
	3	Toán Xuân	Văn Cẩm Nhi	Toán Tráng	Anh Hương	Văn Kim Anh	Anh Huệ	Toán Bình	Toán Đăng	Văn Cẩm Tú
	4	Anh Ng.Phương	Anh K.Thắng	Anh Huệ	Anh Hương	Toán Tráng	Văn Cẩm Nhi	Lý Lâm Quỳnh	Văn Kim Anh	Anh H.Thảo
	5	Anh Ng.Phương	Anh K.Thắng	Anh Huệ	Văn Cẩm Tú		Văn Cẩm Nhi	Lý Lâm Quỳnh	Văn Kim Anh	Anh H.Thảo
Thứ 5	1	Sinh -Võ Hải 201 Lý- Lâm Quỳnh 219	Hoá Toản	Anh Huệ	Lý Thành Nam	Anh Ng.Phương	Lý Bùi Thúy	Văn Cẩm Tú	Sử Quang	Sinh Võ Hải
	2	Sinh -Võ Hải 201 Lý- Lâm Quỳnh 219	Hoá Toản	Anh Huệ	Lý Thành Nam	Anh Ng.Phương	Lý Bùi Thúy	Văn Cẩm Tú	Sử Quang	Sinh Võ Hải
	3	Hoá - Toản 201 Sử - Trần Thúy 204	Lý Thành Nam	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204 KTPL - Nga 213	KTPL - Nga 213 Địa–Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204 Lý – Lâm Quỳnh 214	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204
	4	Hoá - Toản 201 Sử - Trần Thúy 204	Lý Thành Nam	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204 KTPL - Nga 213	KTPL - Nga 213 Địa–Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204 Lý – Lâm Quỳnh 214	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204
	5									
Thứ 6	1	Sinh -Võ Hải 201 Lý- Lâm Quỳnh 219	Hoá Toản	Lý Nghiêm	Lý Thành Nam	Anh Ng.Phương	Lý Bùi Thúy	Nghỉ	Sử Quang	Sinh Võ Hải
	2	Sinh -Võ Hải 201 Lý- Lâm Quỳnh 219	Hoá Toản	Lý Nghiêm	Lý Thành Nam	Anh Ng.Phương	Lý Bùi Thúy	Nghỉ	Sử Quang	Sinh Võ Hải
	3	Hoá - Toản 201 Sử - Trần Thúy 204	Lý Thành Nam	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204 KTPL - Nga 213	Lý – Nghiêm 206 KTPL - Nga 213 Địa–Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204
	4	Hoá - Toản 201 Sử - Trần Thúy 204	Lý Thành Nam	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204	Hóa – Trần Đức 203 Sử - Trần Thúy 204 KTPL - Nga 213	Lý – Nghiêm 206 KTPL - Nga 213 Địa–Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Nga 213 Sử - Trần Thúy 204	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217	KTPL - Hà 218 Địa – Hồng Thúy 217 Sử - Trần Thúy 204
	5									